

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-08-2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thế Nam và bà Trần Thị Thu Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại TAND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đào Tân T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Nữ Triều C**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Đào Tân T** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **T** và bà **Nguyễn Nữ Triều C** yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau ngày cưới vợ chồng về ở chung với bố mẹ bên chồng tại **thôn Đ, xã H, huyện H**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính tình, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên to tiếng, cãi vã lẫn nhau. Đến cuối năm 2020, bà **C** bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** từ đó cho đến nay. Nay, ông **T** nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, hai người không còn yêu thương nhau nữa.

Vì vậy, ông **T** viết đơn đề nghị TAND huyện Triệu Phong cho ông được ly hôn bà **Nguyễn Nữ Triều C**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu: **Đào Diệp C1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2019. Hiện nay, cháu **C1** đang sống với bà **C** tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Khi ly hôn ông **T** có nguyện vọng giao con chung là cháu **Đào Diệp C1** cho bà **C** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và ông **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000 đồng đến khi cháu **C1** thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 09/7/2024 bà Nguyễn Nữ Triều C trình bày:

- Về tình cảm: Bà **Nguyễn Nữ Triều C** và ông **Đào Tân T** yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2018 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau ngày cưới vợ chồng về ở chung với bố mẹ chồng tại **thôn Đ, xã H, huyện H**. Đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà **C** về sống với bố mẹ đẻ tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** từ đó cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng đến nay không còn. Tuy nhiên, vì con chung còn nhỏ tuổi và bà **C** mong muốn con luôn có cha và gia đình nên bà **C** không muốn ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu **Đào Diệp C1**, sinh ngày 16/9/2019, từ khi con sinh ra cho đến nay, cháu **C1** sống chung cùng bà **C**. Nếu ly hôn, bà **C** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **C1**. Bà **C** yêu cầu ông **T1** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu **Đào Diệp C1** thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Nữ Triều C trình bày:

- Về tình cảm: Bà **Nguyễn Nữ Triều C** và ông **Đào Tân T** yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2018 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau ngày cưới vợ chồng về ở chung với bố mẹ chồng tại **thôn Đ, xã H, huyện H**. Đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà **C** về sống với bố mẹ đẻ tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** từ đó cho đến nay. Mặc dù, không sống chung nhưng vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau nên bà **C** mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Tại xác minh ngày 31 tháng 7 năm 2024, bà Trần Thị Q (mẹ của chị Nguyễn Nữ Triều C) trình bày:

Bà **Nguyễn Nữ Triều C** và ông **Đào Tân T** yêu nhau và tự nguyện kết hôn năm 2018 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn, vợ chồng về ở chung với bố mẹ chồng tại **thôn Đ, xã H, huyện H**. Từ khi sinh con chung là cháu **Đào Diệp C1**, vợ chồng bà **C** bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên bà **C** về sinh sống với gia đình bố mẹ đẻ tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** từ đó cho đến nay. Khi bà **C** về sinh sống với gia đình thì ông **T** không quan tâm, chăm sóc con chung.

Bà **C** và ông **T** có con chung là cháu **Đào Diệp C1**, sinh ngày 16/9/2019, từ khi con sinh ra cho đến nay, cháu **C1** sống chung cùng bà **Q**. Cháu **Đào Diệp C1** hiện

đang học tại Trường Mầm non T3. Nếu ông T và bà C ly hôn thì bà Q đồng ý cho bà C và cháu C1 sinh sống với gia đình và yêu cầu ông T và bà C chu cấp kinh phí nuôi dưỡng cháu C1.

Tại xác minh ngày 05 tháng 8 năm 2024, ông Đào Quang T2 (Trưởng thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị trình bày về mức thu nhập hàng tháng của ông Đào Tân T như sau:

Từ trước đến nay, ông Đào Tân T chủ yếu làm nông, phụ giúp bố mẹ công việc trồng trọt tại địa phương. Ngoài ra, mỗi tháng anh T có công việc làm thêm là giao hàng thuốc tây cho người quen, tuy nhiên công việc này không ổn định, trung bình chỉ đi giao hàng từ 2-3 lần/tuần. Tổng thu nhập hàng tháng của ông Đào Tân T dao động từ 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/tháng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Tân T được ly hôn với bà Nguyễn Nữ Triều C.
- Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Diệp C1, sinh ngày 16/9/2019 cho với bà Nguyễn Nữ Triều C nuôi dưỡng. Ông Đào Tân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.800.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Ông Đào Tân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đào Tân T và bà Nguyễn Nữ Triều C kết hôn 15/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C là

hợp pháp. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà C nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đào Tân T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, ông T và bà C sinh sống tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đến đầu năm 2020, ông T và bà C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên bà C bỏ về sinh sống với gia đình bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng giữa ông T và bà C không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; ông T và bà C đã không sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà C đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để xem xét cho ông T được ly hôn đối với bà C.

[3]. Về con chung: Ông T và bà C có một con chung là cháu Đào Diệp C1, sinh ngày 16/9/2019. Nếu ly hôn, ông T và bà C đều thống nhất giao con chung cho bà C nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu C1 đang sống cùng với bà C và bố mẹ bà C; đang học tập tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu thì cần giao quyền nuôi con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T và bà C đều thống nhất giao con chung là cháu Đào Diệp C1, sinh ngày 16/9/2019 cho bà C nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000 đồng; bà C yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.”

Tại Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: “Quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau: ...vùng IV, mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng): 3.450.000”.

Thấy rằng, hiện tại ông T thu thập bình quân mỗi tháng dao động từ 4.000.000

đồng – 5.000.000 đồng và cháu **Đào Diệp C1** mới 05 tuổi nên chi phí để nuôi dưỡng cháu chưa nhiều. Vì vậy, việc bà **C** yêu cầu ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là quá cao và vượt quá khả năng của ông **T**.

Việc ông **T** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000 đồng là phù hợp điều kiện thu nhập của ông **T** và phù hợp với khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Do đó, cần buộc ông **T** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Ông **Đào Tân T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đào Tân T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đào Tân T** được ly hôn với bà **Nguyễn Nữ Triều C**.

2. Về con chung: Giao con chung là **Đào Diệp C1**, sinh ngày 16/9/2019 cho với bà **Nguyễn Nữ Triều C** nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông **Đào Tân T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi cháu **Đào Diệp C1** thành niên và có khả năng lao động. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Ông **Đào Tân T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000159 ngày 01/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông **Đào Tân T** phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Nữ Triều C** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **Đào Tân T** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Hải Thượng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đình Hùng